

SINH KẾ NÔNG NGHIỆP CỦA MỘT SỐ TỘC NGƯỜI KHU VỰC BIÊN GIỚI VIỆT NAM - LÀO TẠI HUYỆN KỲ SƠN, TỈNH NGHỆ AN¹

ThS. Trương Văn Cường

Viện Dân tộc học

Email: truongcuong1983@gmail.com

Tóm tắt: Biên giới Việt Nam - Lào là địa bàn cư trú của nhiều tộc người thiểu số. Đây là khu vực có địa hình phức tạp, giao thông không thuận lợi, khí hậu thời tiết khắc nghiệt nên mật độ dân cư khá thưa thớt, đời sống kinh tế - xã hội của các tộc người còn rất khó khăn. Trước đây, nhiều bộ phận dân cư nơi đây sống du canh du cư, sinh kế phụ thuộc chủ yếu vào điều kiện tự nhiên. Trong những năm gần đây, chính sách đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước đã giúp đời sống sinh kế của người dân có những chuyển biến tích cực, đặc biệt chính sách đất đai đã làm thay đổi căn bản phương thức sản xuất nông nghiệp tự cung tự cấp sang nông nghiệp hàng hóa với những tiến bộ về cả hình thức, mức độ và quy mô. Bài viết này, trên cơ sở nghiên cứu thực địa tại một số tộc người (Khơ Mú, Hmông và Thái) khu vực biên giới Việt Nam - Lào ở huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An, tìm hiểu thực trạng, xu hướng và những vấn đề đặt ra trong hoạt động sinh kế nông nghiệp của các tộc người trong bối cảnh hiện nay.

Từ khóa: Sinh kế nông nghiệp, tộc người thiểu số, biên giới Việt Nam - Lào, tỉnh Nghệ An.

Abstract: The Vietnam-Laos border is home to many ethnic minorities. This area has complex terrain, unfavorable transportation, and harsh weather. Therefore, the population density is relatively sparse, and the socio-economic life of ethnic groups remains challenging. Previously, many groups here lived nomadic lives, with their livelihoods depending mainly on natural conditions. In recent years, the State's socio-economic development policy has positively changed people's livelihoods. Notably, land policy has transformed subsistence agricultural production into commodity agriculture with advanced changes in form, level, and scale. This article, based on field research among some ethnic groups (Khmu, Hmong, and Thai) in the Vietnam-Laos border area in Ky Son district, Nghe An province, explores the current situation, trends, challenges, and issues in ethnic groups' agricultural livelihood activities in the current context.

Keywords: Agricultural livelihoods, ethnic minorities, Vietnam - Laos border, Nghe An province.

Ngày nhận bài: 2/5/2024; ngày gửi phản biện: 10/5/2024; ngày duyệt đăng: 24/6/2024.

¹ Bài viết là kết quả nghiên cứu của đề tài cấp Bộ (2023-2024): “Sinh kế hiện nay của một số tộc người ở vùng biên giới Việt Nam - Lào tại tỉnh Nghệ An” do TS. Phạm Quang Linh làm Chủ nhiệm, Viện Dân tộc học chủ trì.

Mở đầu

Sinh kế hiệu theo nghĩa cơ bản nhất là các hoạt động của con người thực hiện dựa trên năng lực, các nguồn lực hay tài sản sẵn có để tạo ra của cải vật chất nuôi sống bản thân, góp phần phát triển cộng đồng và xã hội (Bùi Nhật Quang, 2022). Ở Việt Nam hiện nay, với đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước, nền kinh tế truyền thống lấy nông nghiệp làm trọng của cả nước nói chung và các dân tộc nói riêng, từng bước chuyển dịch theo hướng tích cực và ngày càng phát triển theo hướng đẩy mạnh sản xuất công nghiệp và dịch vụ. Tuy nhiên, hoạt động sinh kế của các tộc người ở vùng cao, vùng biên giới vẫn chủ yếu dựa vào nông nghiệp, quá trình phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa còn gặp nhiều khó khăn. Thực tế này đòi hỏi việc tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu lý luận và thực tiễn về sinh kế nông nghiệp ở các khu vực đặc thù như vùng biên, trong đó có khu vực biên giới Việt Nam - Lào, góp phần làm rõ sự phát triển của các tộc người thiểu số trong điều kiện hiện nay.

Bài viết này, dựa trên tư liệu nghiên cứu thực địa tại xã Tà Cạ và xã Nậm Cắn, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An vào tháng 8/2023, trình bày thực trạng, xu hướng phát triển và những vấn đề đặt ra trong hoạt động sinh kế nông nghiệp của ba tộc người chiếm tỷ lệ dân số lớn nhất ở địa phương là người Khơ Mú, Hmông và Thái. Nghiên cứu điểm của chúng tôi đã được thực hiện tại 6 thôn thuộc hai xã biên giới này. Xã Tà Cạ² có diện tích đất tự nhiên là 6.086,39ha, với 6,653km đường biên tiếp giáp với nước bạn Lào. Tại đây, chúng tôi tập trung nghiên cứu ở 3 thôn: Bình Sơn 2 (có 100% dân số là người Khơ Mú), Sơn Hà (95,4% là người Hmông), Hòa Sơn (82% là người Thái) (UBND xã Tà Cạ, 2023). Xã Nậm Cắn³ có diện tích đất tự nhiên là 9.031,07ha, với 23,099km đường biên giới tiếp giáp với huyện Noọng Hét của nước Lào. Nghiên cứu được tiến hành tại các thôn: Khánh Thành (100% là người Khơ Mú), Trường Sơn (99,2% là người Hmông) và Noọng Dẻ (92,1% là người Thái) (Phòng Dân tộc huyện Kỳ Sơn, 2023). Địa hình ở cả hai xã đều nhiều đất dốc, diện tích đất phù hợp cho canh tác lúa nước không nhiều, chủ yếu là đất nương rẫy, hệ thống thủy lợi tưới tiêu hạn chế hoặc có những nơi không thể xây dựng được. Do thời tiết trong vùng khắc nghiệt nên mùa khô thì thiếu nước sản xuất nghiêm trọng, còn mùa mưa thì lũ quét, sạt lở, dịch bệnh,... Trước tình trạng trên, bên cạnh việc đa dạng hóa các hoạt động sinh kế, áp dụng khoa học kỹ thuật nhằm tăng năng suất và sản lượng cây trồng, vật nuôi, thì di cư lao động hoặc tăng cường khai thác các nguồn lợi từ rừng là cách ứng phó của người dân nơi đây.

² Xã Tà Cạ có 1.154 hộ với 5.339 nhân khẩu, gồm có 04 dân tộc: Kinh 440 khẩu (chiếm 8,2%); Thái 1.931 khẩu (36,3%); Hmông 467 khẩu (8,7%); và Khơ Mú là 2.501 khẩu (46,8%). Toàn xã có 11 bản, vẫn còn 3 bản chưa có điện lưới là Nhân Lý, Na Nhu, Sa Vang. Tổng số hộ nghèo: 505 hộ (43,76%); hộ cận nghèo 55 hộ (3,45%) (UBND xã Tà Cạ, 2023).

³ Xã Nậm Cắn có 984 hộ với 5.061 nhân khẩu, có 4 dân tộc chính là Hmông (chiếm 70,5%), Khơ Mú (14,8%), Thái (13,4%) và Kinh (1,3%). Tỷ lệ hộ nghèo toàn xã là 49,5%. Xã gồm 6 bản và đã có điện thắp sáng (UBND xã Nậm Cắn, 2023a).

1. Thực trạng sinh kế nông nghiệp

1.1. Hoạt động trồng trọt

Từ lâu, nông nghiệp trồng trọt luôn chiếm vai trò chủ đạo trong đời sống các tộc người ở khu vực biên giới Việt Nam - Lào nói chung và tại huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An nói riêng. Với hai xã Tà Cạ và Nậm Cắn, tùy thuộc vào điều kiện tự nhiên đã hình thành nên các loại hình trồng trọt khác nhau nhưng chủ yếu là canh tác ruộng nước và canh tác nương rẫy. Trong đó, người Thái thường sinh sống mật tập tại các vùng thấp nên chủ yếu canh tác ruộng nước còn người Hmông và Khơ Mú sinh sống tập trung tại những khu vực đồi núi cao hơn nên lấy nương rẫy làm chủ đạo, kết hợp với canh tác lúa nước ở một số điểm có địa hình phù hợp.

- Canh tác lúa nước

Đối với người Thái, canh tác ruộng nước là một trong những hoạt động trồng trọt quan trọng nhất. Từ xưa đến nay, người Thái vẫn nổi tiếng với những cánh đồng lúa lớn nhất vùng Tây Bắc như câu nói: “*Nhất Thanh, nhì Lò, tam Than, tứ Tắc*” chỉ những cánh đồng lúa nước của người Thái. Chính vì vậy, người Thái ở huyện Kỳ Sơn, Nghệ An duy trì trồng lúa nước và có sự vượt trội về năng suất so với các tộc người thiểu số còn lại trong tỉnh.

Canh tác lúa nước của người Thái gồm các bước liên hoàn như: làm đất (cày vỡ, cày lại, bừa vỡ, bừa lại - ngày nay đã sử dụng máy cày/bừa) gắn với be bờ giữ nước; làm mạ, nhổ mạ, cấy/gieo, chăm sóc (làm cỏ); thu hoạch (gặt, đập và phơi thóc). Về mùa vụ, lúa nước được chia thành vụ chiêm và vụ mùa. Tại xã Tà Cạ và xã Nậm Cắn, dù địa hình dốc, chủ yếu là đồi núi và khan hiếm nguồn nước nhưng người Thái vẫn luôn cố gắng tận dụng tối đa các thung lũng nhỏ hẹp để canh tác lúa nước. Tuy vậy, diện tích đất canh tác cũng khá hạn chế. Cụ thể, tại xã Nậm Cắn có 17ha đất trồng lúa nước, chiếm 3,6% diện tích đất sản xuất của xã; xã Tà Cạ có 37ha đất trồng lúa nước, chiếm 9,0% diện tích đất sản xuất. Diện tích trồng lúa nước tại xã Tà Cạ lớn hơn diện tích trồng lúa nước tại xã Nậm Cắn do nằm ở vùng thấp hơn của huyện Kỳ Sơn.

Cũng bởi nguồn đất ruộng hạn chế, nên số hộ canh tác lúa nước chiếm tỷ lệ nhỏ so với canh tác nương rẫy. Trong cuộc thảo luận với lãnh đạo xã Nậm Cắn cho thấy, trên địa bàn xã chỉ có khoảng 22% số hộ canh tác ruộng nước. Trong các thôn thực hiện khảo sát, tỷ lệ người dân làm ruộng nước cũng có sự khác nhau rõ rệt. Tại xã Tà Cạ, một số thôn như Hòa Sơn có 96% số hộ làm ruộng nước (230/236 hộ); thôn Sơn Hà có 10,7% (9/84 hộ), thôn Bình Sơn 2 không có hộ nào canh tác lúa nước. Tỷ lệ hộ canh tác ruộng nước cũng có sự khác biệt lớn giữa các tộc người được nghiên cứu, theo đó tỷ lệ này cao nhất là ở người Thái với 82% số hộ do cư trú vùng thấp có nguồn nước thuận lợi, tiếp theo là người Khơ Mú với 28%, và người Hmông là 3%. Về năng suất lúa nước, theo thống kê của chính quyền địa phương hai xã, sản lượng lúa nước ở Nậm Cắn là 47 tấn/vụ (một năm 2 vụ là 94 tấn), xã Tà Cạ là 103,6 tấn/vụ

(một năm hai vụ là 207,2 tấn). Bình quân sản lượng thóc từ trồng lúa nước tại xã Nậm Cắn là 95kg/hộ và 18 kg/người, trong khi tại Tà Cạ 179 kg/hộ và 38 kg/người.

Từ lâu đời, người dân canh tác lúa nước chủ yếu để phục vụ nhu cầu lương thực của gia đình, tuy nhiên một thực tế đặt ra với nhiều hộ dân hiện nay là diện tích trồng lúa nước không còn đủ đáp ứng nhu cầu lương thực của gia đình mà họ phải mua thêm ở bên ngoài. Nguyên nhân là diện tích ruộng nước đã ít nhưng trong một vài năm trở lại đây thường xuyên xảy ra thiên tai, lũ lụt, cuốn trôi nhiều diện tích lúa chưa đến kỳ thu hoạch. Gần đây nhất, năm 2022 đã xảy ra trận mưa lũ lịch sử, khiến cho nhiều nhà dân tại bản Hòa Sơn bị đất đá vùi lấp và mất trắng 5ha ruộng lúa (trên tổng số 13,5ha, chiếm hơn 30% diện tích ruộng của thôn). Không chỉ bị ảnh hưởng bởi lũ lụt, người dân trồng lúa sinh sống trên địa bàn huyện Kỳ Sơn còn bị ảnh hưởng bởi thời tiết hạn hán vào mùa khô. Khi được hỏi về những khó khăn hiện nay đang gặp phải, người Khơ Mú tại bản Bình Sơn 2 cho biết: *“Trong 10 năm trở lại đây, người dân thường xuyên phải đối mặt với lũ lụt vào mùa mưa. Không chỉ có vậy, thời tiết khắc nghiệt thêm khi nắng nóng kéo dài khiến cho người dân không có nước làm ruộng, chúng tôi buộc phải đi làm thêm nhiều công việc khác chứ không chỉ trông chờ hoàn toàn vào trồng trọt và thiên nhiên như trước đây”* (Phòng văn anh T.L.N, 42 tuổi, thôn Bình Sơn 2, xã Tà Cạ).

- Canh tác nương rẫy

Trồng trọt trên nương rẫy là hoạt động truyền thống của người Khơ Mú, người Hmông và cả người Thái ở Kỳ Sơn bởi sự phù hợp với điều kiện tự nhiên. Thống kê của Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Sơn (2023) cho thấy có khoảng 190.000ha/209.000ha diện tích đất của huyện là đất có độ dốc lớn, nên chỉ có thể trồng cây lấy gỗ hoặc nương rẫy. Đối với các tộc người ở huyện Kỳ Sơn, tuy có sự khác nhau về kỹ thuật canh tác giữa ruộng nước và nương rẫy, nhưng điểm chung là đều trồng các loại cây lương thực (lúa, ngô, khoai, sắn,...), các cây ăn quả (nhãn, xoài, cam, bưởi, mít, vải,...), cây họ đỗ (đỗ tương, đỗ xanh, đỗ đen...), cây rau màu (rau cải, bí ngô, bí xanh, rau mùng tơi, hành, tỏi,...). Số liệu thu thập tại thực địa cho thấy diện tích đất canh tác nương rẫy chiếm 89% trong tổng diện tích đất canh tác các loại ở hai xã (xã Nậm Cắn là 97%, xã Tà Cạ là 81%).

Tại xã Tà Cạ, tỷ lệ các hộ có canh tác nương rẫy tại 3 thôn được khảo sát rất cao: Bình Sơn 2 có 91/91 hộ (100%); thôn Sơn Hà có 75/84 hộ (89%); thôn Hòa Sơn có 200/236 hộ (84%). Tại xã Nậm Cắn: thôn Khánh Thành có 83/83 hộ (100%); thôn Trường Sơn có 250/315 hộ (79%) và thôn Noọng Dẻ có 90/114 hộ (78%). Tỷ lệ canh tác nương rẫy cao nhất ở người Khơ Mú (100%), sau đó là người Thái và người Hmông (khoảng trên 80%). Sản lượng lúa nương tại xã Nậm Cắn là 1,254 tấn/vụ, xã Tà Cạ là 924 tấn/vụ. Ngoài lúa rẫy, người dân còn tận dụng trồng xen canh thêm một số cây trồng như, ngô, sắn, gừng, khoai sọ, đậu, lạc, bí đỏ, rau các loại trên nương rẫy. Trong đó, ngô và sắn là hai loại cây trồng phổ biến nhất với diện tích được trồng như sau:

Bảng 1: Diện tích trồng ngô, sắn qua các năm tại xã Nậm Cắn và xã Tà Cạ

Đơn vị: Ha

Diện tích trồng ngô cả năm					
	2018	2019	2020	2021	2022
Xã Nậm Cắn	76	124	96	20	25
Xã Tà Cạ	8	12	32	35	38
Diện tích trồng sắn cả năm					
Xã Nậm Cắn	82	17	12	13	15
Xã Tà Cạ	78	4	-	-	22

Nguồn: Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Sơn, 2023

Bảng 1 cho thấy diện tích trồng ngô, sắn có sự thay đổi giảm rõ rệt từ năm 2019 đến các năm trở lại đây, đặc biệt tại Tà Cạ trong năm 2020 và 2021 người dân còn không trồng sắn, đến năm 2023 mới trồng lại 22ha. Theo các cuộc thảo luận với cán bộ huyện Kỳ Sơn cho biết, diện tích ngô và sắn sụt giảm bắt đầu ảnh hưởng từ dịch COVID-19, giá phân bón tăng lên gấp 2-3 lần so với trước đó, các mối xuất hàng nông sản cũng mất dần do các thương lái không thu mua, người dân trồng ngô sắn không thể tiêu thụ được. Nguồn thu nhập bấp bênh trong thời gian dịch bệnh diễn ra khiến người dân thiếu vốn đầu tư cho trồng cây nông sản. Đến khi tình hình dịch bệnh và thị trường nông sản ổn định hơn, người dân lại tìm được hướng đi mới là phát triển trồng cây gừng ngay trên các mảnh nương trồng ngô trước đây. Tính đến năm 2023, gừng được trồng tại 17 xã thuộc huyện Kỳ Sơn trong đó có Nậm Cắn và Tà Cạ với diện tích toàn huyện gần 1.000ha, năng suất trung bình đạt 8-9 tấn/ha. Các xã này có địa hình chủ yếu là núi cao trên 700m so với mực nước biển, có nhiều lớp lượn sóng, độ dốc trung bình 35 độ, phù hợp với điều kiện canh tác gừng trên diện rộng. Tại đây, người dân địa phương trồng hai loại gừng là gừng dẻ và gừng trâu. Gừng dẻ dùng để tiêu thụ nội địa là chủ yếu còn gừng trâu hướng tới xuất khẩu. Nguyên liệu từ gừng ở Kỳ Sơn có thể chế biến thành tinh dầu, làm gia vị, hương liệu, dược liệu, thực phẩm. Phòng Nông nghiệp huyện đã tập trung hướng dẫn kỹ thuật bà con cách trồng và chăm sóc gừng ở vùng đất dốc, lồng ghép các chương trình để hỗ trợ người dân cây giống và vật tư nông nghiệp. Sau khi *Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp Hương Sơn* được thành lập, ngoài việc tiến hành trồng gừng trên núi, đơn vị còn hướng dẫn bà con cách trồng và chăm sóc gừng đúng kỹ thuật. Ban đầu hợp tác xã (HTX) đã vận động 20 hộ dân liên kết tham gia trồng thí điểm gừng hữu cơ hoàn toàn sạch trên diện tích 10ha. Từ những thành công ban đầu, đến nay đã có 146 hộ thuộc 6 thôn trên địa bàn 4 xã của huyện Kỳ Sơn tham gia trồng gừng trong hệ thống HTX, với tổng diện tích hơn 40ha. Sản lượng gừng đã đạt 30 tấn/ha, mẫu mã ngày càng đẹp.

Ước tính mỗi ha gừng cho thu nhập lên đến 200 triệu đồng, cao gấp 10 lần trồng ngô, lúa (Trần Đức, Thắng Cảnh, 2023). Hiện nay, HTX bao tiêu thu mua sản phẩm với giá hợp lý và liên kết với nhiều đối tác để tiêu thụ trong nước và xuất khẩu ra nước ngoài.

Bên cạnh đó, tại địa bàn nghiên cứu đang phát triển mô hình kinh tế trang trại, HTX. Đây là một là xu hướng tất yếu trong phát triển nông nghiệp có định hướng về hình thức, mức độ và quy mô. Hiện nay, theo thống kê tại xã Tà Cạ có 19 mô hình, trong đó 10 mô hình kinh tế gia trại, 09 mô hình kinh tế hộ gia đình. Cụ thể, đã có sự hình thành vùng trồng rau sạch tại thôn Hòa Sơn, Sơn Hà với 13 hộ tham gia (11 hộ thôn Hòa Sơn và 02 hộ thôn Sơn Hà); 16 hộ tại thôn Sơn Hà tham gia mô hình trồng đào (UBND huyện Kỳ Sơn, 2023).

1.2. Hoạt động chăn nuôi

Chăn nuôi là một trong những hoạt động sinh kế truyền thống, cho đến nay vẫn chiếm vị trí quan trọng trong cơ cấu thu nhập của nhiều hộ gia đình các tộc người tại xã Tà Cạ và xã Nậm Cắn. Hiện nay, đồng bào duy trì chăn nuôi chủ yếu là gia súc (trâu, bò, ngựa, dê, lợn), gia cầm (vịt, gà, ngan, ngỗng), thủy sản (cá chép, cá trắm, cá trôi,...), một số hộ có nuôi ong lấy mật. Điểm chung trong hoạt động chăn nuôi của đồng bào là chủ yếu phục vụ nhu cầu thực phẩm hàng ngày tại địa phương, sử dụng trong các dịp lễ tết, làm sức kéo, phân bón cho cây trồng hoặc đem trao đổi. Chính quyền địa phương cho biết, trong giai đoạn 10 năm trở lại đây, việc chăn nuôi trâu bò và lợn của người Hmông và người Khơ Mú ổn định, không có nhiều biến động. Mặc dù hiện nay đã có một số mô hình chăn nuôi các giống trâu bò mới nhưng chưa có mô hình nào thật sự phổ biến và lan tỏa. Hoạt động chăn nuôi của người Hmông phát triển hơn so với ở người Khơ Mú. Số lượng gia súc và gia cầm hiện nay tăng lên đáng kể vì nhiều hộ gia đình đã bước đầu gia tăng hoạt động chăn nuôi để bán ra thị trường. Thống kê số lượng vật nuôi gia súc ở xã Tà Cạ năm 2022 như sau: tổng số lượng gia súc có 3.239 con (trong đó trâu: 112 con; bò: 2.076 con; lợn: 781 con; dê: 270 con) (UBND xã Tà Cạ, 2022). Tại xã Nậm Cắn số lượng gia súc là 4.140 con (trong đó trâu: 522 con; bò: 1.822; lợn: 929 con; dê: 867 con) (UBND xã Nậm Cắn, 2023b).

Nghiên cứu cho thấy hoạt động chăn nuôi ở xã Tà Cạ và Nậm Cắn có xu hướng gia tăng trong những năm gần đây. Đặc biệt người Hmông và người Khơ Mú đang có mô hình chăn nuôi bò vỗ béo mang lại hiệu quả khá cao. Người dân thường mua bò về, chăm sóc vỗ béo trong khoảng 3 tháng rồi bán. Mỗi con bò như vậy thường có khoản lãi từ 1 triệu đồng trở lên. Tại bản Sơn Hà, đa số người Hmông đang chăn nuôi bò dưới hình thức này và đem về nguồn thu nhập ổn định. Phòng văn anh L.V.P (41 tuổi) cán bộ nông nghiệp xã Nậm Cắn cho biết: *“Người dân ở xã Nậm Cắn chủ yếu làm nương rẫy, chăn nuôi và đi làm thuê, trong đó chăn nuôi trâu bò vỗ béo, sinh sản và nuôi dê giống địa phương đã phát triển mạnh ở nhiều thôn bản”*. Hay chia sẻ của H.B.C (32 tuổi, dân tộc Hmông, thôn Sơn Hà, xã Tà Cạ): *“Trước đây dân làng chủ yếu trồng trọt trên rẫy, tuy nhiên khoảng 10 năm trở lại đây đất canh tác ngày*

càng xấu, hay bị hạn hán, mưa thì sạt lở, hiệu quả thấp, nên nhiều hộ gia đình chuyển sang chăn nuôi, vỗ béo trâu bò. Còn thanh niên trẻ khỏe thì đi làm thuê, làm công nhân hết”.

Cùng với việc nuôi bò vỗ béo, một số hộ dân ở bản Sơn Hà cũng nuôi trâu trện (trâu chọi). Những con trâu này có thể được người dân tứ xứ tới tận nơi xem và mua, hoặc mang đi bán ở chợ phiên Nậm Cắn. Theo trưởng bản Sơn Hà, việc bán trâu trện nếu thuận lợi có thể mang lại lợi nhuận từ 6-10 triệu đồng/con trong vòng vài tháng (Phạm Quang Linh, Đặng Minh Ngọc, 2023). Đối với người Hmông và người Khơ Mú trên địa bàn xã Tà Cạ và Nậm Cắn, trâu bò vừa là vật nuôi lại vừa được coi như một dạng tài sản và thường bán chúng khi cần tiền để lo liệu các công việc lớn như xây nhà, mua xe, khám chữa bệnh,... Mặc dù vậy, đa phần người dân vẫn nuôi theo phương thức thả rông, điều này dẫn tới hệ lụy là vật nuôi dễ bị nhiễm bệnh khi không may có bệnh dịch hoặc thời tiết thay đổi bất thường.

Bên cạnh chăn nuôi trâu bò vỗ béo tại các gia đình nhỏ lẻ, tại xã Nậm Cắn đã hình thành một số trang trại chăn nuôi trâu, bò, dê, trở thành một trong những mũi nhọn phát triển kinh tế điển hình. “*Thôn Khánh Thành, xã Nậm Cắn hiện có trên 10 trang trại nuôi trâu, bò, dê, lợn, gà..., với mục đích đem bán. Số lượng vật nuôi mỗi trang trại có sự khác nhau từ vài chục đến vài trăm con*” (Phong văn Nhang M., 48 tuổi, dân tộc Khơ Mú, thôn Khánh Thành, xã Nậm Cắn). Quy mô diện tích các trang trại từ vài chục đến hàng trăm ha, lớn nhất là trang trại của gia đình ông Moong Ph. Ng. có diện tích trên 100ha nuôi trâu, bò, dê, lợn, gà và cá. Như vậy, có thể thấy kinh tế trang trại đang góp phần thúc đẩy quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn theo hướng tăng nhanh tỷ trọng sản xuất hàng hóa theo hướng tập trung.

Đối với chăn nuôi gia cầm, tại xã Tà Cạ thống kê số lượng gia cầm có 14.780 con trong đó gà được nuôi nhiều hơn cả (UBND xã Tà Cạ, 2023). Xã Nậm Cắn có trên 8.100 gia cầm và trong đó chủ yếu là gà với 7.520 con (UBND xã Nậm Cắn, 2023b). Nghiên cứu thực địa cho thấy, hiện nay trung bình mỗi gia đình thường nuôi khoảng 10-20 con gà, vịt. Hầu như không có hộ gia đình nào nuôi gia cầm với số lượng lớn theo kiểu trang trại, mà đa phần chỉ nuôi để phục vụ nhu cầu thực phẩm hàng ngày hoặc cúng lễ vào các dịp giỗ, Tết và đôi khi là bán để lấy tiền chi tiêu.

Ngoài ra, nuôi cá cũng là một hoạt động mang lại nguồn thu cho người dân ở nơi đây song số hộ tham gia không nhiều, chỉ gồm các hộ có điều kiện sinh sống gần các ao, hồ nhỏ và tận dụng để nuôi cá nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt tại chỗ của người dân. Diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2023 của cả huyện Kỳ Sơn là 14,33ha, chiếm 0,01% diện tích đất tự nhiên (Phạm Quang Linh, Đặng Minh Ngọc, 2023).

Nhìn chung, hoạt động chăn nuôi được hầu hết người dân duy trì khá ổn định, song chỉ dừng lại ở mức quy mô nhỏ. Vì vậy, để phát triển sinh kế nhờ chăn nuôi cần phải có sự tham gia hỗ trợ tích cực từ chính quyền địa phương về nguồn vốn vay, kỹ thuật, con giống,... Vấn đề thời tiết trên địa bàn vô cùng khắc nghiệt, dễ phát triển dịch bệnh, giá bán thất thường nên cũng là những khó khăn, thách thức trong phát triển chăn nuôi thành hàng hóa ở khu vực này hiện nay.

2. Xu hướng phát triển sinh kế nông nghiệp trên địa bàn

Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng hoạt động sinh kế nông nghiệp của một số tộc người trên địa bàn hai xã biên giới Nậm Cắn và Tà Cạ thuộc huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An, chúng tôi tổng hợp một số xu hướng phát triển nông nghiệp trong bối cảnh hiện nay như sau:

- *Thứ nhất là ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất nông nghiệp.* Theo thống kê của chính quyền các xã, tại Nậm Cắn cho đến hết năm 2022 toàn xã đã có 22 chiếc máy cày và xã Tà Cạ có 30 chiếc máy cày để phục vụ cho việc làm đất trong canh tác lúa nước. Việc cải tiến phương thức sản xuất áp dụng máy móc vào hoạt động trồng trọt mặc dù đã có từ lâu tại nhiều địa phương, song với địa bàn canh tác có độ dốc lớn như huyện Kỳ Sơn thì việc áp dụng còn hạn chế. Với xu hướng phát triển chung, máy cày hiện nay đã cải tiến có thể xới đất, làm phẳng và leo lên một độ dốc nhất định cao hơn so với trước kia. Việc áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp giúp cho nông dân giảm chi phí đầu vào, tăng chất lượng sản phẩm, góp phần nâng cao lợi nhuận khoảng 30% so với không áp dụng cơ giới hóa như trước đây (Đào Tuấn, 2023). Bên cạnh máy làm đất, chính quyền địa phương cho biết người dân đã sử dụng máy bơm nước phục vụ tưới tiêu cho ruộng lúa và hoa màu. Hiện nay, máy bơm nước (máy bơm điện, máy bơm dầu) giúp người dân chủ động hơn trong sản xuất nông nghiệp và giảm sự thuộc vào nguồn nước mưa, nước khe như trước đây. Một lãnh đạo xã Nậm Cắn cho biết: *“Hiện nay thôn Nậm Cắn có khoảng 50% số hộ gia đình trang bị máy bơm nước với giá khoảng 1 triệu đồng/chiếc”*. Ngoài ra, người dân đã sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật (thuốc diệt cỏ, thuốc trừ sâu bệnh,...). Trong chăn nuôi, đồng bào Khơ Mú, Hmông và Thái sử dụng thuốc thú y (thuốc phòng dịch, thuốc chữa bệnh), thức ăn chăn nuôi bán sẵn để tăng năng suất, đồng thời tích cực tham gia các khóa tập huấn kỹ thuật chăn nuôi do cán bộ khuyến nông tại địa phương tổ chức. Người dân tại xã Tà Cạ và Nậm Cắn đã tiếp nhận một số giống vật nuôi mới như: vịt bầu, bò lai sin; một số cây trồng mới như giống lúa Sông Lam 9, giống lúa Japonica Nhật Bản, cỏ voi, giống ngô lai LVN10, lạc giống mới,... Tuy nhiên, việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất của người dân ở xã Tà Cạ và xã Nậm Cắn còn một số khó khăn do thiếu vốn đầu tư, nhận thức hạn chế, ảnh hưởng tập quán sản xuất truyền thống, địa hình đồi núi phức tạp, khí hậu khắc nghiệt,...

- *Thứ hai là hướng đến nền sản xuất nông nghiệp hàng hóa.* Thực tế cho thấy, từ sau công cuộc Đổi mới 1986 đến nay, dưới tác động của chính sách đất đai, sự phát triển kinh tế thị trường, các chương trình, dự án phát triển của Nhà nước và các tổ chức phi chính phủ..., đã giúp nhiều hộ gia đình các tộc người Khơ Mú, Hmông và Thái tham gia tích cực hơn vào sản xuất hàng hóa với việc phát triển một số cây trồng, vật nuôi có thể mạnh. Phòng văn trường thôn Sơn Hà (xã Tà Cạ) cho biết: *“Nguồn thu từ hoạt động chăn nuôi (quy ra tiền) đứng thứ hai sau thu nhập từ di cư lao động. Nhiều hộ tại thôn Sơn Hà đã đầu tư chăn nuôi (võ béo trâu bò) và trở thành nguồn thu chính của gia đình, đặc biệt giá trị vật nuôi của một số trang trại có thể từ vài trăm đến trên hàng tỷ đồng. Họ bán vài con bò là đủ chi tiêu cho gia đình*

trong năm”. Bí thư thôn Hòa Sơn (xã Tà Cạ) cũng khẳng định: “Nhiều hộ dân tận dụng vườn nhà hoặc nương rẫy trồng một số cây rau màu với mục đích chính đem bán lấy tiền. Điển hình là thôn Hòa Sơn đã có khoảng 50% số hộ tham gia vùng chuyên canh rau sạch với diện tích 6ha để đem bán tại địa phương và bán cho thương lái thu mua”. Mô hình trồng rau sạch trong thôn có 2 nhóm (nhóm trồng trên rẫy gồm 30 hộ và nhóm trồng dưới ruộng 21 hộ). Hình thức trao đổi đa dạng như: bán buôn giao cho thương lái, bán lẻ trong chợ hoặc bày bán ven đường. “Năm 2023, thu nhập bình quân từ bán rau khoảng 100.000 đồng đến 300.000 đồng/ngày/hộ, một số hộ thu nhập cao hơn từ 400.000 đồng đến 500.000 đồng/ngày/hộ. Tuy nhiên, năm 2024 do thời tiết nắng gắt, nên nguồn thu từ mô hình trồng rau đang giảm khoảng 70% so với năm trước” (Phỏng vấn chị Lô Thị H., người Thái, thôn Hòa Sơn, xã Tà Cạ). Thực tế tại hai xã cho thấy, người dân thường gặp khó khăn trong tiếp cận thị trường và tiêu thụ sản phẩm do giao thông không thuận tiện và thị trường sản phẩm nông nghiệp thiếu ổn định.

- Thứ ba là hình thành mô hình kinh tế trang trại, HTX. Đây là một xu hướng tất yếu trong phát triển nông nghiệp theo hướng tập trung hóa để phát triển quy mô và tạo dựng sự ổn định trong cả sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. HTX là mô hình sản xuất dựa vào thế mạnh địa phương gắn với sản xuất nông nghiệp đồng thời thể hiện vai trò như những “bà đỡ” cho nông dân, góp phần phát triển kinh tế nông thôn bền vững, đặc biệt thể hiện vị trí nòng cốt trong cung ứng dịch vụ đầu vào và tiêu thụ sản phẩm đầu ra. Tại huyện Kỳ Sơn, đã hình thành một số HTX như: HTX Nông nghiệp sản xuất chè hữu cơ Huồi Tụ (xã Huồi Tụ), HTX Nông nghiệp và Du lịch cộng đồng Mường Lống (xã Mường Lống), HTX Thổ cẩm Na Loi (xã Na Loi),... Tại xã Tà Cạ, HTX Dịch vụ nông nghiệp & Tiểu thủ công nghiệp Hương Sơn có vai trò hỗ trợ người dân trồng và bao tiêu củ gừng. Mô hình HTX đã tạo nên nguồn sản phẩm, nguyên liệu lớn, ổn định, từng bước khắc phục được tình trạng manh mún, nhỏ lẻ trong sản xuất nông nghiệp, giúp thu nhập của người lao động được cải thiện, góp phần đáng kể trong phát triển sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và giải quyết lao động, việc làm, xóa đói, giảm nghèo.

- Thứ tư là sự suy giảm vai trò của hoạt động nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế/thu nhập. Nông nghiệp trong nhiều giai đoạn của lịch sử là hoạt động sinh kế quan trọng nhất trong cơ cấu kinh tế truyền thống của người Khơ Mú, người Hmông và Thái tại Kỳ Sơn. Tuy nhiên, dưới tác động của cách mạng công nghiệp 4.0, quá trình đô thị hóa cùng những nhu cầu của thị trường dẫn đến sự suy giảm vai trò của nông nghiệp hiện nay trong cơ cấu thu nhập tại địa bàn nghiên cứu. Nghiên cứu tại hai xã Nậm Cắn và Tà Cạ cho thấy nông nghiệp đã và đang góp phần đáng kể trong phát triển sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động, giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo,... Song, nếu đặt tỷ trọng thu nhập từ hoạt động nông nghiệp so với các ngành khác cho thấy sự thay đổi đáng kể so với trước đây. Thông tin từ Ủy ban nhân dân xã Nậm Cắn (2023a) cho thấy cơ cấu giá trị sản xuất các ngành kinh tế (trong đó từ nông nghiệp chiếm 18,03%, thủ công nghiệp và xây dựng chiếm 26,91% và dịch vụ - thương mại chiếm 55,06%). Tỷ trọng nguồn thu từ nông nghiệp so với các nguồn thu khác tại 3 thôn xã Nậm Cắn gồm: thôn Khánh Thành là 50%, thôn Noọng Dẻ khoảng 30% và thôn Trường

Sơn là 50%⁴. Tương tự, tại các thôn ở xã Tà Cạ, tỷ trọng thu nhập từ nông nghiệp tại thôn Bình Sơn chiếm 40%, và thôn Sơn Hà chiếm 30% (thôn có 2/3 hộ gia đình có người làm cán bộ địa phương có lương và lương hưu, trong khi hầu hết thanh niên trẻ từ 18 đến 30 tuổi đi làm công nhân, làm thuê⁵). Nguồn tiền gửi về của những gia đình có người đi làm công nhân có sự khác nhau, song đây là nguồn thu nhập đóng vai trò quan trọng với người dân tại các điểm nghiên cứu.

3. Một số vấn đề đặt ra

Từ thực trạng và xu hướng phát triển nông nghiệp khu vực biên giới Việt Nam - Lào của người Khơ Mú, Hmông và Thái ở xã Tà Cạ và xã Nậm Cắn, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An cho thấy có một số vấn đề đặt ra như sau:

- *Thiếu đất canh tác*: Nông nghiệp vẫn là hoạt động sinh kế quan trọng, gắn bó mật thiết với đất đai. Tình trạng thiếu đất canh tác là một trong những vấn đề nổi bật được chính quyền địa phương và người dân đề cập đến trong các buổi làm việc. Theo thống kê tại xã Tà Cạ và xã Nậm Cắn, bình quân diện tích đất canh tác hàng năm tại xã Nậm Cắn là 0,09 ha/người đất sản xuất các loại, tại xã Tà Cạ là 0,076 ha/người. Diện tích này thấp hơn nhiều so với mức bình quân đầu người ở Việt Nam là 0,25ha/người, trong khu vực là 0,36ha/người và trên thế giới là 0,52ha/người (Đàm Thị Mai Oanh, 2023).

- *Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*: Hiện nay, hầu hết đất canh tác nương rẫy ở xã Tà Cạ và xã Nậm Cắn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến tâm lý e ngại trong việc đầu tư, phát triển sản xuất của người dân hiện nay. Tình trạng chậm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến tranh chấp đất đai. Theo báo cáo hàng năm tại xã Tà Cạ, từ năm 2019 đến 2023 có 33 vụ tranh chấp đất đai, trong đó đã hòa giải thành công 20 vụ, còn 13 vụ chưa được giải quyết (UBND xã Tà Cạ, 2023).

- *Thiên tai (lũ lụt, sạt lở, hạn hán,...)*: Xã Tà Cạ và xã Nậm Cắn có địa hình đất dốc, đất sản xuất nông nghiệp ít, hệ thống thủy lợi tưới tiêu hạn chế nên mùa khô thiếu nước trồng lúa nước trong khi mùa mưa lũ quét, sạt lở thường xuyên. Tình trạng lũ lụt, sạt lở, hạn hán được chính quyền huyện Kỳ Sơn, xã Tà Cạ, xã Nậm Cắn và các thôn đề cập trong các buổi làm việc và coi đây là vấn đề khó khăn nhất trong hoạt động sản xuất và sinh hoạt của người dân hiện nay. Theo thống kê của Ủy ban nhân dân xã Tà Cạ (2022), sạt lở đất làm thiệt hại 5,265ha lúa ruộng, 6,18ha lúa rẫy và 3,794ha rau màu bị cuốn trôi, đất đá vùi lấp, 4,37ha ao cá bị sạt lở, vùi lấp hoàn toàn. Thiệt hại về chăn nuôi: 32 con trâu bò, 10 con dê, 124 con lợn cùng 2.822 con gia cầm bị nước cuốn trôi và chết do đất đá vùi lấp. Ngoài ra, có nhà cửa của 54 hộ trôi sập, 322 hộ thuộc diện di dời (cấp độ 1,2,3) 27 hộ bị hư hỏng nặng, 35 hộ hư hỏng

⁴ Kết quả nghiên cứu thực địa các thôn Khánh Thành, Noọng Dè và thôn Trường Sơn, xã Nậm Cắn.

⁵ Kết quả nghiên cứu thực địa tại các thôn Bình Sơn, Hòa Sơn và thôn Sơn Hà, xã Tà Cạ.

nhẹ. Trước đó, vào năm 2019, do hạn hán kéo dài, diện tích lúa rẫy toàn xã gần như mất trắng (UBND xã Tà Cạ, 2019; 2022).

- *Thiếu nước sản xuất, sinh hoạt*: Khí hậu huyện Kỳ Sơn nhìn chung rất khắc nghiệt. Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau và từ tháng 4 đến tháng 8 chịu ảnh hưởng của gió phơn Tây Nam (gió Lào) gây khô, nóng. Trong khi đây là thời điểm cần nước để tiến hành các hoạt động tria lúa rẫy, trồng lạc, trồng ngô. Tình trạng thiếu nước sản xuất, sinh hoạt được chính quyền địa phương đánh giá là một trong những khó khăn, ảnh hưởng đến đời sống sản xuất và sinh hoạt của người dân. Hiện nay, xã Nậm Cắn đề xuất cấp trên đầu tư xây dựng hệ thống dẫn nguồn nước từ Khe Cắn để phục vụ canh tác lúa nước ở thôn Khánh Thành, song dự án chưa được triển khai.

- *Thiếu vốn làm ăn*: Hiện nay, nguồn vốn vay ưu đãi cho hộ nghèo, cận nghèo được ngân hàng chính sách triển khai. Chính quyền địa phương cho biết, trên 50% số hộ đang vay vốn sản xuất. Tuy nhiên, nguồn tiền cho vay có giới hạn thấp và khó đáp ứng đủ nhu cầu vay sản xuất của người dân. Mặt khác, đối tượng vay vốn ưu đãi thuộc diện hộ nghèo và cận nghèo, chủ yếu đây là những hộ thiếu lao động và tư duy làm ăn còn hạn chế, trong khi những hộ có tư duy và cần nguồn vốn đầu tư sản xuất lại không thuộc nhóm được hỗ trợ vốn vay ưu đãi. Ngoài ra, một số hộ gia đình thay vì đầu tư phát triển sản xuất như cam kết lại sử dụng nguồn vốn vay vào các mục đích khác như mua xe, xây nhà, hay chi tiêu sinh hoạt.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, còn không ít hộ gia đình có tâm lý lười lao động, ỷ lại vào sự giúp đỡ của chính quyền, các dự án hỗ trợ nên thiếu chủ động trong sản xuất, sống hưởng thụ, lâm vào tệ nạn như uống rượu, cờ bạc,... Một số khác bảo lưu tư duy/kinh nghiệm sản xuất truyền thống, không áp dụng khoa học vào hoạt động sản xuất dù được cán bộ chuyên trách tập huấn; trong chăn nuôi họ vẫn duy trì tập quán thả rông, không chuồng trại, không tiêm phòng..., đây là nguyên nhân khiến cho vật nuôi thường xuyên bị bệnh chết; trong trồng trọt phụ thuộc hoàn toàn vào tự nhiên, không sử dụng phân bón, thuốc phòng trừ bệnh, dẫn đến năng suất và sản lượng thấp. Đây là những yếu tố cơ bản cản trở sự phát triển nông nghiệp theo hướng kinh tế thị trường ngày một năng động trong bối cảnh hiện nay.

Kết luận

Vùng biên giới Việt Nam - Lào tại huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An là địa bàn cư trú của nhiều tộc người thiểu số, có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng và chính trị của đất nước ta. Trong các hoạt động sinh kế, nông nghiệp từ lâu vẫn giữ vị trí quan trọng trong cơ cấu thu nhập, lao động, việc làm và bảo đảm vững chắc an ninh lương thực, thực phẩm của các tộc người thiểu số vùng biên giới Việt Nam - Lào nói chung và tại huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An nói riêng. Dưới tác động của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhất là trong điều kiện hội nhập kinh tế thị trường về mọi mặt, ngành nông nghiệp nơi đây đang có những biến chuyển cơ bản như: bước đầu ứng dụng có hiệu quả khoa

học và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của nông phẩm; hướng đến nền sản xuất nông nghiệp hàng hóa, dần hòa nhập với nền kinh tế thị trường trong nước; hình thành mô hình kinh tế trang trại, HTX là xu hướng tất yếu trong phát triển nông nghiệp.

Quá trình chuyển đổi nông nghiệp bước đầu đạt những thành tựu nhất định trong việc đảm bảo nguồn lương thực, thực phẩm góp phần tăng nguồn thu nhập, cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống người dân. Tuy nhiên, hoạt động sinh kế nông nghiệp nơi đây đang phải đối mặt với nhiều khó khăn: trước hết nông nghiệp là hoạt động đảm bảo an ninh lương thực lâu dài có ý nghĩa chiến lược trong khi các vấn đề đất đai chưa được giải quyết; nguồn nước phục vụ nông nghiệp hạn chế, khí hậu khắc nghiệt; thiên tai dịch bệnh; biến động giá cả và sự cạnh tranh của thị trường ngày càng khó lường,... Vì vậy, rất cần có những chính sách kinh tế - xã hội phù hợp nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển nông nghiệp bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống, đảm bảo an ninh khu vực biên giới trong bối cảnh hiện nay. Đặc biệt cần có biện pháp hướng tới nâng cao năng lực chủ động tham gia vào hệ thống đổi mới kỹ thuật nông nghiệp, chủ động hơn trong việc sử dụng các kỹ năng, nguồn vốn của người dân trong quá trình sản xuất nông nghiệp, trang bị những kiến thức về thị trường để người dân có thể thích nghi trước sự phát triển của nền nông nghiệp hiện đại và thị trường trong bối cảnh hiện nay.

Tài liệu tham khảo

1. Trần Đức, Thắng Cảnh (2023), *Sản phẩm OCOP đến từ huyện Kỳ Sơn của Nghệ An*, trên trang <https://danviet.vn/vi-sao-gung-trong-o-huyen-ky-son-cua-nghe-an-cay-lai-tot-um-cu-thom> (Truy cập ngày 24/4/2024).
2. Phạm Quang Linh, Đặng Minh Ngọc (2023), “Sinh kế hiện nay của người Hmông và người Khơ Mú tại khu vực biên giới tỉnh Nghệ An”, *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội*, số 11, tr. 30-37.
3. Đàm Thị Mai Oanh, (2023), *Đánh giá khả năng thực hiện chức năng tạo lập quỹ đất nông nghiệp của tổ chức phát triển quỹ đất*, trên trang: <https://tapchimoitruong.vn/nghien-cuu-23/danh-gia-kha-nang-thuc-hien-chuc-nang-tao-lap-quy-dat-nong-nghiep-cua-to-chuc-phat-trien-quy-dat-28727> (Truy cập ngày 25/05/2024).
4. Phòng Dân tộc huyện Kỳ Sơn (2023), *Biểu tổng hợp nhân khẩu theo thành phần dân tộc tính đến tháng 5/2023*.
5. Bùi Nhật Quang (2022), “Phát biểu khai mạc và đề dẫn Hội nghị Dân tộc học quốc gia năm 2021 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam”, trong Viện Dân tộc học: *Phát triển sinh kế bền vững của các tộc người ở nước ta hiện nay* (Kỷ yếu Hội nghị Dân tộc học quốc gia năm 2021), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

6. Đào Tuấn (2023), *Thúc đẩy cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp*, trên trang <https://media.chinhphu.vn/thuc-day-co-gioi-hoa-trong-san-xuat-nong-nghiep> (Truy cập ngày 8/05/2024).

7. Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Sơn (2023), *Niên giám thống kê huyện Kỳ Sơn 2018 - 2022*, Chi cục Thống kê huyện Kỳ Sơn.

8. Ủy ban nhân dân xã Nậm Cắn (2023a), *Báo cáo Đánh giá sơ kết hai năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã khóa XXII nhiệm kỳ 2020-2025*.

9. Ủy ban nhân dân xã Nậm Cắn (2023b), *Biểu thống kê nhân khẩu, nam, nữ, tuổi lao động, trâu bò, gia súc, gia cầm trên địa bàn xã tính đến tháng 6 năm 2023*.

10. Ủy ban nhân dân xã Tà Cạ (2019), *Báo cáo Tổng kết về tình hình kinh tế - xã hội năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020*.

11. Ủy ban nhân dân xã Tà Cạ (2022), *Báo cáo Tổng kết về tình hình kinh tế - xã hội năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023*.

12. Ủy ban nhân dân xã Tà Cạ (2023), *Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 6 tháng đầu năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023*.



Nương ngô của dân tộc Khơ Mú ở bản Khánh Thành, xã Nậm Cắn, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An

Ảnh: Phạm Quang Linh, chụp tháng 8/2023